TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2020
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang.
Ông Đặng Quang Hoạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị V, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh D, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: 144 ấp S, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2020, biên bản làm việc ngày 12/02/2020, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/02/2020 và tại phiên tòa hôm nay, chị Vũ Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2017.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn và kéo dài 01 năm nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con cái và mâu thuẫn với cả bố mẹ chồng về cách chăm sóc con, chị đã cố gắng nhưng không được nên vợ chồng ly thân từ đầu tháng 01/2020. Vì hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 21/5/2018. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật và không yêu cầu anh D cấp dưỡng vì chị có điều kiện để chăm sóc con, con theo chị và hiện chị đi làm tại công ty được hơn 01 tháng nay, với thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng, ngoài ra còn có ông bà ngoại giúp chăm sóc con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 12/02/2020, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/02/2020 và tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Minh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị V tự nguyện thương yêu nhau nên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2017.

Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn về chăm sóc con nhưng là những mâu thuẫn thường ngày trong cuộc sống và từ tháng 01/2020 chị V bỏ về nhà bố mẹ ruột sinh sống. Nay chị V xin ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh còn thương con.

Về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 21/5/2018. Trường hợp ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật và không yêu cầu chị V cấp dưỡng vì anh cũng có điều kiện để nuôi con, anh đang làm nghề sửa xe honda tại nhà với thu nhập 400.000 đồng đến 500.000 đồng/ngày và có sự hỗ trợ của bố mẹ trong việc chăm con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị V là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị V được ly hôn với anh D. Về con chung: Giao con chung cho chị V nuôi dưỡng, anh D tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị V phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Vũ Thị V nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh D, sinh năm: 1992, hộ khẩu thường trú và sinh sống: Số 144, ấp S, xã B, huyện Trảng Bom, Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị V và anh D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã Bắc Sơn cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 180 ngày 11/10/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị V vẫn kiên quyết ly hôn và anh chị đều xác nhận có mâu thuẫn trong việc chăm sóc con cái dẫn tới mâu thuẫn giữa hai bên gia đình nội ngoại và thực tế anh chị đã ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị cũng không tìm cách hàn gắn. Nên cho dù anh D không đồng ý ly hôn nhưng xét mâu thuẫn giữa chị V và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu ly hôn với anh D là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 21/5/2018, trường hợp ly hôn anh chị đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật, xét thấy chị V và anh D đều có điều kiện để nuôi con chung (chị V đang làm công ty với mức lương 8.000.000 đồng/tháng, anh D là nghề sửa xe với thu nhập 400.000 đồng – 500.000 đồng/ngày, và có sự hỗ trợ của gia đình), tuy nhiên cháu N hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để giao cháu N cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị V về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* với anh Nguyễn Minh D.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Minh D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 21/5/2018 cho chị Vũ Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm thời anh Nguyễn Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Minh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006875 ngày 04/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Vũ Thị V đã nộp đủ án phí.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương